TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C L** **TỈNH K H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26/5/2023
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C L – TỈNH K H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vi
- Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Kim Liên
2/ Ông Nguyễn Lai
- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C L
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C L tham gia phiên tòa: ông Bùi Văn Hùng – Kiểm sát viên

Ngày 26/5/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C L, tỉnh K H xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 30/2023/TLST-HNGĐ ngày 03/3/2023 về "ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/5/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D – Sinh năm: 1984; Địa chỉ: Thôn Xuân Lập, xã Cam Tân, huyện C L, tỉnh K H. (Có đơn xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Đỗ Xuân T – Sinh năm: 1979; Địa chỉ: Thôn Xuân Lập, xã Cam Tân, huyện C L, tỉnh K H. (Có đơn xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/01/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Về yêu cầu ly hôn: Bà Duyên và ông Toàn tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Cam Tân, huyện C L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 79, ngày 18/12/2009.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Toàn cờ bạc, rượu chè, thường xuyên đánh đập bà Duyên. Bà Duyên đã nhiều lần khuyên ngăn ông Toàn nhưng ông Toàn vẫn không thay đổi. Nay bà Duyên nhận thấy không còn tình cảm với ông Toàn nên bà Duyên yêu cầu được ly hôn với ông Toàn.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà Duyên và ông Toàn có 02 con chung là cháu Đỗ Anh Khôi - sinh ngày 17/8/2010 và Đỗ Anh Khương - sinh ngày 19/02/2013. Hiện nay hai cháu đang ở với bà Duyên nên khi ly hôn bà Duyên yêu

cầu được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung. Bà Duyên không yêu cầu ông Toàn cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung khi ly hôn và nợ chung: Bà Duyên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12/4/2023, bị đơn ông Đỗ Xuân T trình bày:

Ông Toàn thống nhất với lời trình bày của bà Duyên về thời điểm kết hôn. Trong thời gian chung sống, vợ chồng vẫn chung sống bình thường, không xảy ra mâu thuẫn gì lớn mà dẫn đến việc ly hôn. Ông Toàn vẫn còn tình cảm với bà Duyên, muốn vợ chồng hòa giải, hàn gắn với nhau để cùng nhau nuôi dưỡng con chung. Nay bà Duyên yêu cầu ly hôn với ông thì ông không đồng ý.

Về con chung: ông Toàn và bà Duyên có 02 con chung, do ông không đồng ý ly hôn nên ông không yêu cầu giải quyết về con chung. Trường hợp Tòa vẫn giải quyết ly hôn cho bà Duyên thì ông Toàn yêu cầu Tòa giải quyết theo quy định chung.

Về chia tài sản chung khi ly hôn và nợ chung: ông Toàn không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C L, tỉnh K H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Đỗ Xuân T; về con chung: giao con chung là cháu Đỗ Anh Khôi - sinh ngày 17/8/2010 và Đỗ Anh Khương - sinh ngày 19/02/2013 cho bà Duyên trực tiếp nuôi dưỡng, bà Duyên không yêu cầu ông Toàn cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: bà Duyên và ông Toàn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét; về án phí: bà Duyên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về ly hôn giữa bà Nguyễn Thị D và ông Đỗ Xuân T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C L theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ngày 11/4/2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, xét xử sơ thẩm. Ngày 12/4/2023, bị đơn ông Đỗ Xuân T có đơn yêu cầu vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử sơ thẩm. Do vậy, căn cứ vào khoản 4 Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn và vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu ly hôn: Bà Nguyễn Thị D và ông Đỗ Xuân T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Cam Tân, huyện C L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 79, ngày 18/12/2009; đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa bà Duyên

và ông Toàn phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai bên không thực sự hiểu, thông cảm và chia sẻ cho nhau, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Ông Toàn cho rằng cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, ông vẫn còn thương vợ thương con, ông muốn vợ chồng hàn gắn lại với nhau để cùng nuôi dưỡng con chung nên ông không đồng ý ly hôn nhưng ông Toàn không đề ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và ông Toàn cũng có đơn xin vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử sơ thẩm. Điều đó chứng tỏ ông Toàn không có thiện chí để nối lại tình cảm và đoàn tụ cùng với bà Duyên.

[4] Xét tình trạng hôn nhân giữa bà Duyên và ông Toàn không thể hàn gắn được, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Đỗ Xuân T.

[5] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà Duyên và ông Toàn có 02 con chung là Đỗ Anh Khôi - sinh ngày 17/8/2010 và Đỗ Anh Khương - sinh ngày 19/02/2013. Hiện nay các con chung đang sống với bà Duyên, cuộc sống đã ổn định, bà Duyên yêu cầu được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu ông Toàn cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án ông Toàn không yêu cầu giải quyết về con chung. Mặt khác, tại bản tự khai ngày 20/3/2023, cả hai cháu Đỗ Anh Khôi và Đỗ Anh Khương đều có nguyện vọng được sống với bà Duyên. Vì vậy, yêu cầu của bà Duyên là có căn cứ, phù hợp với thực tế và nguyện vọng của các cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về chia tài sản chung khi ly hôn và nợ chung: Bà Duyên và ông Toàn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Đỗ Xuân T.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

Giao con chung là cháu Đỗ Anh Khôi - sinh ngày 17/8/2010 và Đỗ Anh Khương - sinh ngày 19/02/2013 cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn.

Ông Đỗ Xuân T không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về chia tài sản chung khi ly hôn và nợ chung: Không xem xét về phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, nếu sau này các đương sự trong vụ án có đơn yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0009527 ngày 24/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C L. Bà Duyên đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh K H;
- VKSND tỉnh K H;
- VKSND huyện C L;
- Chi cục THADS huyện C L;
- UBND xã Cam Tân (GCNKH số 79 ngày 18/12/2009);
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Vi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**